

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ- ST

Ngày 11-10-2019

“ V/v ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Xuân Trường.

2. Bà Phan Thị Huệ.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ánh Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Võ Thị L, sinh năm 1968; nơi ĐKNKTT: Thôn L , xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; nơi ĐKNKTT: Thôn L , xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019 cũng như trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1992 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nguyễn Văn T hay đánh đập chị. Trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không có quan điểm chung, chồng hay cờ bạc,

không chăm sóc đến gia đình và ngoại tình. Từ năm 2014 cho đến nay, chị và anh Nguyễn Văn T đã sống ly thân, không quan tâm gì nhau. Hiện nay, cuộc sống chung của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Võ Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 05 cháu, cụ thể như sau: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Thị Minh Ch, sinh năm 1999, các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết ai là người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn T không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, chị Võ Thị L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết ai là người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến với nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 35, 97, 171, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị Võ Thị L đã thực hiện đầy đủ các thủ tục được quy định tại các Điều 70, 71, 227, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

- Xử cho chị Võ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
- Về nuôi con chung: Các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn; chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T đều có nơi cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn, nhưng anh Nguyễn Văn T không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị L xác nhận, chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/7/1992. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu ly hôn: Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình chung sống giữa chị L và anh T lúc mới kết hôn thì hạnh phúc, nhưng càng về sau thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, hay xúc phạm chị L, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm và thương yêu lẫn nhau.

Theo kết quả xác minh tại địa phương được biết: Trong quá trình chung sống với nhau, Chị L và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo đến gia đình, từ năm 2014, hai vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh Tuệ cố tình không đến Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến, điều đó cho thấy anh T không có thiện chí và không mong muốn việc hàn gắn tình cảm với chị L. Tại phiên tòa, chị L vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị L là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 05 cháu tên là Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Thị Minh Ch, sinh năm 1999, các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không đến làm việc và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Trường hợp

anh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006456 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Võ Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Võ Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- VKS, THADS huyện H;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Khánh**